

Bản án số: 39/2022/LĐ-ST

Ngày: 30/6/2022

*V/v Tranh chấp về tiền lương, bảo  
hiểm xã hội*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Diệu Linh*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tự

2. Bà Trịnh Thị Phương Châm

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Sơn Hà - Thư ký Toà án nhân dân Quận 1.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà:** Bà Tăng Tố  
Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 1869/2017/TLST-LĐ, ngày 24  
tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội” theo Quyết định  
đưa vụ án ra xét xử số: 2150/2022/QĐXXST-LĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các  
đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 128/9 đường L, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

*2. Bị đơn:* Công ty TNHH T.

Địa chỉ: 246 đường Đ, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1968 - Đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: 19R đường N, Phường MC, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền không số đề ngày 21/11/2017.

*(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện; bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V trình bày:*

Ngày 24/5/2016, ông Nguyễn Xuân V (Sau đây gọi tắt là ông V) ký hợp đồng thử việc với Công ty TNHH T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) với công việc là lái xe khách giường nằm. Thời hạn thử việc 02 (Hai) tháng từ ngày 24/5/2016 đến ngày 23/7/2016 với mức lương: 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng, trả vào ngày 5 (Năm) hàng tháng bằng tiền mặt. Tiền thế chân phải đóng là 8.000.000 (Tám triệu) đồng, Công ty T sẽ hoàn trả sau 03 (Ba) tháng kể từ ngày nghỉ việc. Sau khi ký hợp đồng lao động thử việc, ông V làm việc liên tục từ ngày 24/5/2016 đến 04/5/2017 nhưng Công ty T không tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2017 Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông V, không cung cấp quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho ông. Nhận thấy việc công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông là trái pháp luật nên ông V khởi kiện yêu cầu:

- Công ty T đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho ông kể từ ngày 24/5/2016 đến ngày 23/7/2016; Hoàn trả số tiền bảo hiểm y tế là: 653.000 (Sáu trăm năm mươi ba nghìn) đồng ông đã tự mua.

- Trả tiền thế chân 8.000.000 (Tám triệu) đồng và tiền lãi tạm tính đến tháng 11/2017 là: 1.036.000 (Một triệu không trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

- Trả tiền lương chênh lệch giữa mức lương tối thiểu vùng 1+7% bằng nghề với mức thực tế ông nhận từ tháng 6/2016 đến tháng 5/2017 tổng cộng là: 32.003.000 (Ba mươi hai triệu không trăm lẻ ba nghìn) đồng.

- Bồi thường tiền do công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật tạm tính đến tháng 11/2017 số tiền là: 58.744.240 (Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi) đồng.

Tổng cộng là: 168.639.240 (Một trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi) đồng.

***\* Bị đơn Công ty TNHH T có người đại diện là ông Nguyễn Ngọc H trình bày:***

Tháng 5/2016, ông Nguyễn Xuân V và Công ty T có thỏa thuận bằng miệng về việc hợp tác điều khiển xe vận chuyển hành khách du lịch theo từng chuyến. Theo đó, công ty có giao cho ông V xe ô tô do Công ty làm chủ sở hữu để vận chuyển khách du lịch theo từng chuyến theo tỷ lệ phần trăm số dầu tiêu thụ tính trên kilome-ters thực tế tương đương với 24% định mức dầu của công ty quy định hoặc 32% định mức dầu của Nhà sản xuất xe quy định và chi phí hỗ trợ thêm theo quy định của Công ty. Các chi phí cầu đường do công ty chịu. Công ty T thanh toán lợi nhuận trực tiếp cho ông V bằng tiền mặt ngay sau khi kết thúc lộ trình của mỗi chuyến xe.

Công ty T giao xe cho ông V với tình trạng bình xăng dầu của xe được Công ty đổ đầy dầu và các giấy tờ xe cho ông V giữ khi nhận xe vận chuyển hành khách. Ông V có trách nhiệm bàn giao nộp lại xe đúng hiện trạng ban đầu với bình xăng dầu được đổ đầy dầu bằng chi phí của ông V với giấy tờ xe cho Công ty T sau khi kết thúc vận

chuyến hành khách. Ông V đặt cọc tiền bảo đảm tương đương với giá trị bình xăng đổ đầy dầu là: 8.000.000 (Tám triệu) đồng. Ông V đã nhiều lần vi phạm các quy định của Công ty như nói chuyện điện thoại khi lái xe gây nguy hiểm cho hành khách, vì vậy Công ty đã quyết định không tiếp tục hợp tác với ông V từ tháng 6/2017.

Ông V là lái xe hợp tác với Công ty, ăn chia lợi nhuận theo từng chuyến xe. Do đó, Công ty T không ký hợp đồng thử việc với ông V. Đối với Hợp đồng thử việc ông V cung cấp, Công ty không biết và không ký Hợp đồng này.

Đối với khoản tiền thế chân: 8.000.000 (Tám triệu) đồng Công ty đã trả cho ông V theo hai phiếu chi ngày 06 và 08/6/2017 và công ty trừ tiền xăng do ông V không đổ đầy bình ngày 20/5/2017 là: 3.694.423 (Ba triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi ba) đồng.

Đối với tài liệu chứng cứ ông V cung cấp là biểu thưởng và lương có chữ ký của ông Trần Trung C1 của Công ty TS, Công ty T không phát hành các văn bản đó và ông Trần Trung C1 không phải là nhân viên công ty.

Công ty T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân V. Tuy nhiên sau khi đối chiếu bị đơn tự nguyện hoàn trả lại cho ông Nguyễn Xuân V số tiền thế chân còn thiếu là: 8.000.000 đồng - 3.500.000 đồng - 550.000 đồng - 3.694.423 đồng = 255.577 (Hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

(Công ty T đã trả lại số tiền thế chân là: 3.500.000 đồng theo Phiếu chi số: PC0717060090 ngày 06/6/2017; Số tiền thế chân là: 550.000 đồng theo Phiếu chi số: PC0717060120 ngày 08/6/2017; Số tiền thế chân là: 3.694.423 đồng theo phiếu Mua xăng dầu MST: 3005554500011 ngày 05/06/2017 ông V ghi “trừ tiền thế”).

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Tuy nhiên vụ án được đưa ra xét xử còn chậm, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần khắc phục. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Công ty T thanh toán 653.000 (Sáu trăm năm mươi ba nghìn) đồng và đóng bảo hiểm xã hội cho ông từ ngày 24/5/2016 đến ngày 31/5/2021; Yêu cầu công ty T trả đủ số tiền lương tối thiểu vùng 1+7% bằng nghề và yêu cầu thanh toán tiền lương những tháng không được làm việc của ông V tổng số tiền là: 168.639.240 (Một trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi) đồng.

Tuy nhiên, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hoàn trả lại cho ông Nguyễn Xuân V số tiền thế chân còn thiếu là: 8.000.000 đồng - 3.500.000 đồng - 550.000 đồng - 3.694.423 đồng = 255.577 (Hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng (Công ty T đã trả lại số tiền thế chân là: 3.500.000 đồng theo Phiếu chi số: PC0717060090 ngày 06/6/2017; Số tiền thế chân là: 550.000 đồng theo Phiếu chi số: PC0717060120 ngày 08/6/2017; Số tiền thế chân là: 3.694.423 đồng theo phiếu Mua xăng dầu MST: 3005554500011 ngày 05/06/2017 ông V ghi “trừ tiền thế”).

Tổng số tiền không chấp nhận yêu cầu là:

168.639.240 đồng - 8.000.000 đồng - 1.036.000 đồng = 159.603.240 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V khởi kiện bị đơn Công ty TNHH T tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội; Đây là tranh chấp về lao động. Bị đơn Công ty TNHH T có địa chỉ trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 32; Điểm c khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

1. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Xuân V yêu cầu Công ty T thanh toán 653.000 (Sáu trăm năm mươi ba nghìn) đồng và đóng bảo hiểm xã hội cho ông từ ngày 24/5/2016 đến ngày 31/5/2021; Yêu cầu công ty T trả đủ số tiền lương tối thiểu vùng 1+7% bằng nghề và yêu cầu thanh toán tiền lương những tháng không được làm việc của ông V tổng số tiền là: 168.639.240 đồng - 8.000.000 đồng - 1.036.000 đồng = 159.603.240 (Một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm lẻ ba nghìn hai trăm bốn mươi) đồng:

Xét thấy, ông Nguyễn Xuân V trình bày đã ký hợp đồng thử việc ngày 24/5/2016 với Công ty TNHH T với công việc là lái xe khách giường nằm. Hợp đồng thử việc ngày 24/5/2016, bảng kê danh sách các chuyến xe ông Nguyễn Xuân V đã chạy cho Công ty T và chi phí phát sinh ông V cung cấp là bản photo, ông V không cung cấp được “bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận” theo quy định của khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Xuân V căn cứ điểm c khoản 1 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự: “Yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ nếu đương sự không thể thu thập tài liệu, chứng cứ” theo đơn yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ ngày 08/5/2018. Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ điểm g khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự đã có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 5754/2019/QĐ-CCTLCC ngày 12/11/2019, được tổng đạt trực tiếp cho ông Nguyễn Ngọc H là đại

diện theo ủy quyền của bị đơn. Tuy nhiên ông Nguyễn Ngọc H chỉ cung cấp các chuyến xe ông V đã làm việc cho Công ty T nhưng không cung cấp hợp đồng thuê việc và sao kê tiền lương của ông V do công ty không biết và không ký Hợp đồng này, ông Nguyễn Xuân V không phải là người lao động của công ty nên không có tên trong danh sách nhận lương nhân viên của Công ty T.

Xét, đối với các tài liệu ông Nguyễn Xuân V cung cấp có ghi Biểu thưởng và lương các tháng 06/2016; 07/2016; 08/2016; 09/2016; 10/2016; 12/2016; 01/2017; 02/2017; 03/2017 có chữ ký của ông Trần Trung C1 của Công ty TS. Công ty TS không phải là tên khác, tên trước đây hay chi nhánh của Công ty TNHH T. Công ty T không phát hành các văn bản đó và ông Trần Trung C1 không phải là nhân viên công ty.

Xét, đối với các tài liệu, chứng cứ ông Nguyễn Ngọc H cung cấp tại Tòa án nhân dân Quận 1 gồm đề nghị thanh toán tài xế, bảng kê điều xe các tháng: 05/2017; 04/2017; 03/2017; 02/2017; 01/2017; 12/2016; 11/2016; 10/2016; 09/2016; 8/2016; 7/2016; 6/2016; 5/2016 và Bảng liệt kê thu nhập Nguyễn Xuân V Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với mỗi chuyến xe được ông V chạy theo Bảng kê điều xe đều được thanh toán độc lập theo đề nghị thanh toán tài xế của ông V. Các bên đều xác nhận đã chi trả và nhận đủ, không tranh chấp về số tiền nêu trên. Số tiền thanh toán mỗi chuyến xe khác nhau căn cứ số lượng khách hàng, quãng đường xe lăn bánh, các yếu tố khách quan khác... Số chuyến xe không liên tục và thay đổi khác nhau tùy theo tháng. Bảng liệt kê thu nhập Nguyễn Xuân V không phải là số tiền cố định hàng tháng, thể hiện Công ty T đã thanh toán lợi nhuận trực tiếp cho ông V bằng tiền mặt ngay sau khi kết thúc lộ trình của mỗi chuyến xe, Công ty không chi trả một khoản lương cơ bản, cố định nào đối với ông Nguyễn Xuân V. Chứng cứ nêu trên phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Ngọc H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn về việc ông Nguyễn Xuân V và Công ty T có thỏa thuận về việc hợp tác điều khiển xe vận chuyển hành khách du lịch theo từng chuyến. Theo đó, công ty có giao cho ông V xe ô tô do Công ty làm chủ sở hữu để vận chuyển khách du lịch theo từng chuyến và Công ty T thanh toán lợi nhuận trực tiếp cho ông V bằng tiền mặt ngay sau khi kết thúc lộ trình của mỗi chuyến xe.

Xét, theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân Quận 1, công văn số 1258/BHXXH V/v cung cấp thông tin tham gia BHXH, BHYT, BHTN của ông Nguyễn Xuân V của Bảo hiểm xã hội quận 1 ngày 01/6/2018 đã trả lời như sau: “Căn cứ hồ sơ đang quản lý, Công ty TNHH TM DV Du lịch T - Địa chỉ số 246 đường Đ, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh chưa lập hồ sơ đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Nguyễn Xuân V - sinh năm 1968. Do đó, Bảo hiểm xã hội Quận 1 không có hồ sơ tham gia BHXH, BHYT, BHTN của Ông V để cung cấp thông tin...”

Xét thấy, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không thừa nhận Công ty T có ký hợp đồng lao động với ông Nguyễn Xuân V; Bị đơn đã nhận quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án nhân dân Quận 1 nhưng những tài liệu, chứng cứ ông V yêu cầu Công ty không ký nên không có để cung cấp; Những tài liệu chứng cứ khác ông V cung cấp trong hồ sơ vụ án không đúng theo quy định của khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập tại Bảo hiểm xã hội Quận 1- Bảo hiểm thành phố Hồ Chí Minh không chứng minh được ông V là người lao động của Công ty T.

Xét các chứng cứ do bị đơn xuất trình tại Tòa án phù hợp với lời khai trong các buổi làm việc, hòa giải và trình bày tại phiên tòa. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông Nguyễn Xuân V không chứng minh được ông có quan hệ lao động với Công ty T nên giữa ông V và Công ty T không phát sinh quyền và nghĩa vụ được điều chỉnh theo Bộ luật Lao động. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông V đối với Công ty T không có cơ sở chấp nhận.

*2. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền thế chân 8.000.000 (Tám triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:*

Trong các buổi hòa giải, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lời khai về việc Công ty T giao xe cho ông V với tình trạng bình xăng dầu của xe được Công ty đổ đầy dầu và các giấy tờ xe cho ông V giữ khi nhận xe vận chuyển hành khách. Ông V có trách nhiệm bàn giao nộp lại xe đúng hiện trạng ban đầu với bình xăng dầu được đổ đầy dầu bằng chi phí của ông V với giấy tờ xe cho Công ty T sau khi kết thúc vận chuyển hành khách. Ông V đặt cọc tiền bảo đảm tương đương với giá trị bình xăng đổ đầy dầu là: 8.000.000 (Tám triệu) đồng (Tiền thế chân).

Căn cứ phiếu chi số: PC0717060090 ngày 06/6/2017, ông V đã nhận lại số tiền: 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng “Chi hoàn trả tiền thế chân cho tài xế Nguyễn Xuân V”.

Căn cứ phiếu chi số: PC0717060120 ngày 08/6/2017, ông V đã nhận lại số tiền: 550.000 (Năm trăm năm mươi nghìn) đồng “Chi bổ sung tiền thế chân cho TX Nguyễn Xuân V”.

Căn cứ phiếu Mua xăng dầu MST: 3005554500011 ngày 05/06/2017 ông V ghi “trừ tiền thế” số tiền: 3.694.423 (Ba triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi ba) đồng

Như vậy số tiền thế chân Công ty T chưa trả cho ông V là:

8.000.000 đồng - 3.500.000 đồng - 550.000 đồng - 3.694.423 đồng = 255.577 (Hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

Xét việc hoàn trả lại số tiền 255.577 (Hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng của Công ty T cho ông V là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Công ty T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền thế chân không được chấp nhận là: 8.000.000 đồng - 255.577 đồng = 7.744.423 (Bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi ba) đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Nguyên đơn đã đóng đủ.

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với số tiền thế chân còn phải hoàn trả cho nguyên đơn là: 255.577 (Hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng. Bị đơn phải chịu án phí là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 63, Điều 120, Điều 123 của Bộ luật Lao động năm 2012;
- Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V:

Công ty TNHH T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân V số tiền thế chân còn chưa thanh toán là: 255.577 (Hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Xuân V có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền Công ty TNHH T phải trả cho ông V cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân V yêu cầu Công ty TNHH T: Thanh toán số tiền 653.000 (Sáu trăm năm mươi ba nghìn) đồng và đóng bảo hiểm xã hội cho ông từ ngày 24/5/2016 đến ngày 31/5/2021; Trả đủ số tiền lương tối thiểu vùng 1+7% bằng nghề và yêu cầu thanh toán tiền lương những tháng không được làm việc của ông V tổng số tiền là: 168.639.240 đồng - 8.000.000 đồng - 1.036.000 đồng = 159.603.240 (Một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm lẻ ba nghìn hai trăm bốn mươi) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH T chịu án phí lao động sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Xuân V chịu án phí lao động sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0022157 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Xuân V đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Diệu Linh**